TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06 - 5 - 2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG -TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thu Thủy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy
Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh
- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương.
- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Ông Trần Mạnh Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án thụ lý số 35/2022/TLST- HNGĐ ngày 11/3/2022 về: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đầu Thị T - sinh năm 1985. (Có mặt).
Địa chỉ: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.
Nơi ở hiện nay: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T - sinh năm 1980. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện ngày 07/3/2022, bản tự khai cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Đầu Thị T trình bày:***

- Về hôn nhân: Chị Đầu Thị T anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh

Thanh Hóa ngày 15/11/2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp, vợ chồng không có tiếng nói chung, anh T chơi bời cờ bạc lô đề và bạo lực gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Từ tháng 02 năm 2022 chị T đã về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng không ở cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn H - sinh ngày 11/11/2017. Nguyện vọng của chị T khi ly hôn: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được nuôi cháu Nguyễn Văn H và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 3.000.000đ một tháng, kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu H thành niên.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Tại bản tự khai ngày 30/3/2022 và quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:***

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T thừa nhận như chị Đầu Thị T trình bày về điều kiện, thời gian và địa điểm kết hôn là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, thỉnh thoảng anh T có chơi tí bài bạc, do đó vợ chồng xảy ra cãi nhau. Đầu năm 2022 chị T bỏ về nhà mẹ đẻ ở và vợ chồng từ đó đến nay không ở cùng nhau, không quan tâm đến nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, anh T xét thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, mục đích hôn nhân vẫn đạt được nên anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Văn H - sinh ngày 11/11/2017. Nguyện vọng của anh T không muốn ly hôn để vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái. Nhưng nếu ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Văn H và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung 3.000.000đ một tháng, thì anh đồng ý.

- Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

* Đại diện VKS phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình thiết lập hồ sơ vụ án, Thẩm phán, HĐXX và Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định tại điều 48,49,51 Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã thực hiện đúng quy định tại điều 70,71,72 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015. Đề nghị HĐXX chấp nhận chị Đầu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T. Về con chung: Chị Đầu Thị T và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Văn H - sinh ngày 11/11/2017. Giao cho chị Đầu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn H và anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T 3.000.000đ một tháng, kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu H thành niên. Về tài sản và vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Đầu Thị T phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đầu Thị T khởi kiện về việc xin ly hôn với anh Nguyễn Văn T và cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu xin ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương thụ lý vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" là đúng và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh T có đơn xin xét xử vắng mặt.

Như vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Tòa án xét xử vắng mặt anh Nguyễn Văn T là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Đầu Thị T và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa ngày 15/11/2004 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Chị T và anh T đều thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng luôn bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp. Chị T cho rằng anh T hay cờ bạc, lô đề và bạo lực gia đình, không quan tâm đến vợ con. Anh T cho rằng thi thoảng anh cũng có chơi tý bài bạc nên vợ chồng xảy ra cãi nhau. Chị T và anh T đều thừa nhận từ tháng 2 năm 2022 đến nay vợ chồng không ở cùng nhau, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa hôm nay chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu

được ly hôn. Anh Nguyễn Văn T không đồng ý ly hôn, nhưng anh T lại không tìm ra các biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, dẫn đến việc chị T vẫn không muốn quay về đoàn tụ. Vì vậy HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T không thể hàn gắn được nữa nên chấp nhận nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị Đầu Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Chị Đầu Thị T và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Văn H - sinh ngày 11/11/2017

Khi ly hôn, chị T có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị 3.000.000đ một tháng. HĐXX thấy rằng: Hiện nay cháu H đang còn nhỏ, chuẩn bị đến tuổi đi học lớp 1, vì vậy rất cần sự quan tâm chăm sóc dạy dỗ của mẹ; hơn nữa anh T cũng có nguyện vọng nếu chị T nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng 3.000.000đ một tháng. Tuy nhiên anh T chưa có quan điểm là anh T cấp dưỡng từ thời điểm nào đến thời điểm nào. Thấy rằng Tòa án xét xử ly hôn giữa chị T và anh T vào tháng 5 và giao con cho chị T nuôi nên việc cấp dưỡng sẽ được thực hiện từ tháng 5 năm 2022. Vì vậy giao cháu Nguyễn Văn H cho chị Đầu Thị T chăm sóc và nuôi dưỡng, anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị T 3.000.000đ một tháng, kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu H thành niên là phù hợp.

[4] Về tài sản, vay nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

[5] Về án phí: Chị Đầu Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điều 51,56,57,58,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng Dân sự 2015; điểm b khoản 1 Điều 3; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án; Tiểu mục 1.1, Mục 1, Phần II Danh mục án phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện về việc xin ly hôn của chị Đầu Thị T.

Xử:

- **Về hôn nhân:** Chị Đầu Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn T.
- **Về con chung**: Chị Đầu Thị T và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là Nguyễn Văn H - sinh ngày 11/11/2017

Giao cho chị Đầu Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Văn H.

Anh Nguyễn Văn T cấp dưỡng nuôi con cùng chị T 3.000.000đ một tháng, kể từ tháng 5 năm 2022 cho đến khi cháu H thành niên.

Anh Nguyễn Văn T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, vay nợ: Chị T và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Đầu Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009336 ngày 11/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Xương. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị Đầu Thị T, vắng mặt anh Nguyễn Văn T. Chị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết vắng mặt hợp lệ.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Thanh Hóa;*
- *VKSND H Quảng Xương;*
- *Chi cục THADS huyện Quảng Xương;*
-*UBND xã T, huyện Quảng Xương;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thu Thủy